

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**®)
Công ty thành viên của *JPA International*
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Trụ sở văn phòng : 156-158 Phó Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3999 00 91-97 Fax : +84 (28) 3999 00 90
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 – 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	07 – 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 – 33
7. Phụ lục Vốn chủ sở hữu	34



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần May Sài Gòn 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tên giao dịch là Sai Gon 2 Garment Joint Stock Company, là công ty cổ phần, được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty May Sài Gòn 2 theo Quyết định số 734/QĐ-TTg, ngày 15 tháng 06 năm 2001, của Thủ tướng Chính Phủ (về việc chuyển Công ty May Sài Gòn 2 thành công ty cổ phần), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần May Sài Gòn 2 được cấp phép hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000760 ngày 31 tháng 12 năm 2001, thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 30.000.000.000 (ba mươi tỷ) đồng.

2. Trụ sở chính hoạt động

a. Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) 38 645 331

Fax : +84 (28) 38 640 031

b. Các đơn vị trực thuộc

- Xí nghiệp May Trung Lập Phú : ấp Lão Táo Trung, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp.HCM.
- Hãng thời trang Sanding : số 26-28-30, đường Trần Triệu Luật, phường 6, quận Tân Bình, Tp. HCM.

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm dệt, may, thêu, đan);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp; phụ tùng thiết bị dệt, may, thêu, đan, tiểu thủ công nghiệp);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm dệt, may, thêu, đan);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp; phụ tùng thiết bị dệt, may, thêu, đan, tiểu thủ công nghiệp. Mua bán nguyên phụ liệu ngành dệt may);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp thiết bị, phụ tùng, vật tư, nguyên phụ liệu dệt, may, thêu, đan, tiểu thủ công nghiệp);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh nhà. Cho thuê nhà xưởng, văn phòng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất).

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

4.1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</i>
Ông Ngô Trung Kiên	Chủ tịch	04 tháng 05 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Toàn	Thành viên	04 tháng 05 năm 2017
Bà Bùi Thị Yên	Thành viên	04 tháng 05 năm 2017
Ông Ngô Trung Chính	Thành viên	04 tháng 05 năm 2017
Bà Ngô Thị Hoàng Oanh	Thành viên	04 tháng 05 năm 2017

4.2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</i>
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Trưởng ban	05 tháng 05 năm 2017
Ông Ngô Văn Ất	Thành viên	05 tháng 05 năm 2017
Bà Phạm Thị Hương	Thành viên	05 tháng 05 năm 2017

4.3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</i>
Ông Ngô Trung Kiên	Tổng Giám đốc	04 tháng 05 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Toàn	Phó Tổng Giám đốc	04 tháng 05 năm 2017
Bà Bùi Thị Yên	Phó Tổng Giám đốc	04 tháng 05 năm 2017
Ông Ngô Trung Chính	Phó Tổng Giám đốc	04 tháng 05 năm 2017
Ông Võ Hiếu Nghĩa	Kế toán trưởng	04 tháng 05 năm 2017

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Ngô Trung Kiên – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc được bổ nhiệm ngày 04 tháng 05 năm 2017.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 34.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

9. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

TM. Hội đồng Quản trị


NGÔ TRUNG KIÊN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Số: 2151/19/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP May Sài Gòn 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo thuyết minh ở mục V.7 – Tài sản cố định vô hình: Công ty chưa có quyền sử dụng đất ở Trung Lập Phủ. Giá trị khu đất này Công ty đang ghi nhận trên Báo cáo tài chính với nguyên giá là 17.736.271.492 đồng;
- Thuyết minh mục V.14 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty đang bị âm lũy kể đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là (754.936.935) đồng. Nếu phản ánh các khoản chi vượt quỹ khen thưởng, phúc lợi vào chi phí trong từng thời điểm sẽ làm cho lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lỗ thêm (754.936.935) đồng.

Ý kiến của kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Sài Gòn 2 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2817-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		17.809.287.118	21.813.326.140
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	7.725.897.295	3.709.731.180
111	1. Tiền		7.725.897.295	3.709.731.180
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.841.683.615	9.092.605.467
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	2.601.437.058	8.838.778.410
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	-
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	V.3a	300.276.500	313.857.000
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(60.029.943)	(60.029.943)
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		7.062.398.378	7.885.740.662
141	1. Hàng tồn kho	V.4	7.631.077.225	9.554.381.886
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(568.678.847)	(1.668.641.224)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		179.307.830	1.125.248.831
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5a	179.307.830	322.111.021
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	803.137.810
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		47.604.911.711	50.651.908.441
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		179.625.000	179.625.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.3b	179.625.000	179.625.000
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		47.226.435.343	50.153.460.423
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	35.883.760.502	38.299.524.850
222	- Nguyên giá		110.320.314.105	113.332.676.768
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(74.436.553.603)	(75.033.151.918)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.7	11.342.674.841	11.853.935.573
228	- Nguyên giá		18.402.135.192	18.402.135.192
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.059.460.351)	(6.548.199.619)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		65.368.000	65.368.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.8	65.368.000	65.368.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		133.483.368	253.455.018
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.5b	133.483.368	253.455.018
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		65.414.198.829	72.465.234.581

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: 37 Trần Triệu Luật, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		54.232.521.453	59.003.724.580
310	I. Nợ ngắn hạn		47.553.608.253	54.867.478.380
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	335.419.804	1.418.055.326
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	1.438.484.565	1.583.107.902
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	438.725.248	45.517.151
314	4. Phải trả người lao động		574.527.094	2.179.127.800
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.12	2.074.500.000	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.13a	5.373.354.335	6.316.879.486
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14	38.073.534.142	44.079.727.650
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	(754.936.935)	(754.936.935)
323	10. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		6.678.913.200	4.136.246.200
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.13b	6.678.913.200	4.136.246.200
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.181.677.376	13.461.510.001
410	I. Vốn chủ sở hữu		11.181.677.376	13.461.510.001
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.16	30.000.000.000	30.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		30.000.000.000	30.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.624.444.518	3.624.444.518
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(394.234.518)	(394.234.518)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		6.891.585.433	6.891.585.433
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(28.997.650.730)	(26.717.818.105)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(26.717.818.105)	(13.304.402.806)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(2.279.832.625)	(13.413.415.299)
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		57.532.673	57.532.673
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		65.414.198.829	72.465.234.581

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH

Kế toán trưởng



VÕ HIẾU NGHĨA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



NGÔ TRUNG KIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: 37 Trần Triệu Luật, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	82.430.551.775	125.158.782.461
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		231.136	532.591
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		82.430.320.639	125.158.249.870
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	55.329.148.388	98.711.533.787
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.101.172.251	26.446.716.083
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	138.490.207	426.322.706
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	2.648.823.797	1.926.325.675
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.081.407.746	1.598.231.866
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	7.064.289.854	10.618.634.311
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	20.087.966.825	26.643.375.571
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.561.418.018)	(12.315.296.768)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	313.727.273	421.797.717
32	12. Chi phí khác	VI.8	32.141.880	208.429.045
40	13. Lợi nhuận khác		281.585.393	213.368.672
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.279.832.625)	(12.101.928.096)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	-	1.311.487.203
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.279.832.625)	(13.413.415.299)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	(7.687)	(45.227)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	(7.687)	(45.227)

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH

Kế toán trưởng

VÕ HIỀU NGHĨA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019



Tổng Giám đốc

NGÔ TRUNG KIẾN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		91.938.682.121	126.967.239.894
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(38.822.559.794)	(41.067.311.750)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(38.255.927.719)	(55.490.550.696)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(2.081.407.746)	(1.588.390.939)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.311.487.203)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.806.079.135	7.476.647.282
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.702.175.581)	(26.423.589.335)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.882.690.416	8.562.557.253
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(914.090.909)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	213.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		90.106.925	19.133.892
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		90.106.925	(681.957.017)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.14	81.023.982.099	83.693.821.931
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.14	(86.980.613.325)	(97.458.037.175)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.956.631.226)	(13.764.215.244)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		4.016.166.115	(5.883.615.008)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.709.731.180	9.593.346.188
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	7.725.897.295	3.709.731.180

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH

Kế toán trưởng



VÕ HỮU NGHĨA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



NGÔ TRUNG KIÊN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Sài Gòn 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh sản xuất, gia công xuất khẩu các sản phẩm dệt may.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm dệt, may, thêu, đan);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp; phụ tùng thiết bị dệt, may, thêu, đan, tiểu thủ công nghiệp);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm dệt, may, thêu, đan);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp; phụ tùng thiết bị dệt, may, thêu, đan, tiểu thủ công nghiệp. Mua bán nguyên phụ liệu ngành dệt may);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp thiết bị, phụ tùng, vật tư, nguyên phụ liệu dệt, may, thêu, đan, tiểu thủ công nghiệp);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh nhà. Cho thuê nhà xưởng, văn phòng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc công ty

Công ty có 02 đơn vị trực thuộc (hạch toán phụ thuộc công ty):

- Xi nghiệp May Trung Lập Phú;
Địa chỉ: ấp Lào Táo Trung, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp.HCM.
- Hãng thời trang Sanding.
Địa chỉ: số 26-28-30, đường Trần Triệu Luật, phường 6, quận Tân Bình, Tp. HCM.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 339 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 606 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác (hoặc thuyết minh theo chế độ tài chính hiện hành như TT 228).

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo

thời hạn sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm hàng thời trang

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công may xuất khẩu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

Giá vốn của hoạt động bất động sản đầu tư gồm có chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua chuyển khoản ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương là 23.150VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương Việt Nam, tỷ giá 23.150 VND/USD.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc cho giai đoạn từ ngày và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	385.922.003	833.561.255
- Tiền gửi ngân hàng	7.339.975.292	2.876.169.925
Cộng	<u>7.725.897.295</u>	<u>3.709.731.180</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết gồm:	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu của các bên liên quan</i>	<i>24.057.800</i>	<i>24.057.800</i>
- Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định	24.057.800	24.057.800
<i>Phải thu của các cá nhân, tổ chức khác</i>	<i>2.577.379.258</i>	<i>8.814.720.610</i>
- Công ty May mặc Quảng Việt	1.013.806.376	-
- Công ty Thương mại Dệt may TP.HCM (VinaTex TP.HCM)	668.510.629	-
- Công ty TM SX Phú Khang	493.409.745	-
- Reggie Designs Limited	303.265.000 (#USD 13.100,00)	-
- Các đối tượng khác	98.387.508	8.814.720.610
Cộng	<u>2.601.437.058</u>	<u>8.838.778.410</u>

3. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**3a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>	<i>300.276.500</i>	<i>-</i>	<i>313.857.000</i>	<i>-</i>
- Tạm ứng	236.635.000	-	313.857.000	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	63.641.500	-	-	-
Cộng	<u>300.276.500</u>	<u>-</u>	<u>313.857.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>	<i>179.625.000</i>	-	<i>179.625.000</i>	-
- Ký quỹ cửa hàng Âu Cơ	80.000.000	-	80.000.000	-
- Ký quỹ thuê máy photocopy	53.625.000	-	53.625.000	-
- Ký quỹ cửa hàng Quang Trung	46.000.000	-	46.000.000	-
Cộng	179.625.000	-	179.625.000	-

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	952.835.753	-	2.460.452.786	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	6.274.169.576	(568.678.847)	6.675.278.633	(1.668.641.224)
Hàng hóa	404.071.896	-	418.650.467	-
Cộng	7.631.077.225	(568.678.847)	7.885.740.662	(1.668.641.224)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.668.641.224)	(1.472.330.492)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(196.310.732)
Hoàn nhập dự phòng	1.099.962.377	-
Số cuối năm	(568.678.847)	(1.668.641.224)

5. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**5a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi tiết gồm:		
- Chi phí bảo hiểm tài sản	127.441.290	-
- Chi phí chờ phân bổ khác	51.866.540	322.111.021
Cộng	179.307.830	322.111.021

Tình hình biến động như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi tiết gồm:		
- Số đầu năm	322.111.021	463.059.348
- Phát sinh trong năm	2.350.709.268	6.960.990.348
- Phân bổ trong năm	(2.493.512.459)	(7.101.938.675)
Số cuối năm	179.307.830	322.111.021

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hệ thống xử lý nước thải Sanding	68.374.502	-
- Sửa chữa hàng rào khu tái định cư Trung Lập Phú	61.610.116	114.418.780
- Chi phí chờ phân bổ khác	3.498.750	139.036.238
Cộng	133.483.368	253.455.018

Tình hình biến động như sau:

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	253.455.018	846.609.750
- Phát sinh trong năm	91.166.000	242.396.000
- Phân bổ trong năm	(211.137.650)	(835.550.732)
Số cuối năm	133.483.368	253.455.018

6. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	70.966.292.058	24.909.040.960	2.907.455.057	14.549.888.693	113.332.676.768
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
<i>Tăng do mua mới</i>	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	(2.783.624.163)	(228.738.500)	-	(3.012.362.663)
<i>Giảm do thanh lý</i>	-	(2.783.624.163)	(228.738.500)	-	(3.012.362.663)
4. Số cuối năm	70.966.292.058	23.950.044.467	2.678.716.557	14.549.888.693	110.320.314.105
<i>Trong đó:</i>					
<i>Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng</i>	8.823.886.967	22.054.679.285	1.009.825.648	14.549.888.693	46.438.280.593
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	34.947.313.691	24.047.961.459	1.490.130.928	14.547.745.840	75.033.151.918
2. Tăng trong năm					
- <i>Khấu hao trong năm</i>	1.873.710.709	292.198.778	247.712.008	2.142.853	2.415.764.348
3. Giảm trong năm	-	(2.783.624.163)	(228.738.500)	-	(3.012.362.663)
<i>Giảm do thanh lý</i>	-	(2.783.624.163)	(228.738.500)	-	(3.012.362.663)
4. Số cuối năm	36.821.024.400	21.556.536.074	1.509.104.436	14.549.888.693	74.436.553.603
III. Giá trị còn lại					
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	36.018.978.367	861.079.501	1.417.324.129	2.142.853	38.299.524.850
2. <i>Tại ngày cuối năm</i>	34.145.267.658	568.880.723	1.169.612.121	-	35.883.760.502

Trong đó: Giá trị còn lại của tài sản thể chấp tại ngày 31/12/2018 là 8.533.239.082 đồng (Chi tiết xem thuyết minh mục V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm thiết kế mẫu; phần mềm quản lý sản xuất và phần mềm kế toán	Phần mềm quản lý bán hàng	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	17.736.271.492	548.863.700	117.000.000	18.402.135.192
2. Tăng trong năm	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	17.736.271.492	548.863.700	117.000.000	18.402.135.192
<i>Trong đó:</i>				
<i>Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng</i>	-	548.863.700	117.000.000	665.863.700
II. Giá trị hao mòn				
1. Số dư đầu năm	5.882.335.919	548.863.700	117.000.000	6.548.199.619
2. Tăng trong năm	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm				
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	11.853.935.573	-	-	11.853.935.573
2. Tại ngày cuối năm	11.342.674.841			11.342.674.841

(*) Quyền sử dụng đất ở Trung Lập Phú chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nguyên giá là: 17.468.471.492 đồng.

8. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn (*)	65.368.000	-	65.368.000	-
Cộng	65.368.000	-	65.368.000	-

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103002036 ngày 07 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn với số lượng cổ phiếu 3.280, mệnh giá 10.000đ/cổ phần. Giá trị hợp lý cổ phiếu GMC tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 là 35.000 đ/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	335.419.804	1.418.055.326
- Công ty TNHH SX TM XNK Phúc Vĩnh Thành	48.212.670	266.175.525
- Phạm Minh	41.025.600	45.733.050
- Công ty TNHH MTV TM Hoàng Kim Loan	40.214.149	143.156.465
- Các nhà cung cấp khác	205.967.385	962.990.286
Cộng	<u>335.419.804</u>	<u>1.418.055.326</u>

10. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	1.438.484.565	1.583.107.902
- Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (HUP)	1.356.311.913	1.247.400.000
- Các nhà cung cấp khác	82.172.652	335.707.902
Cộng	<u>1.438.484.565</u>	<u>1.583.107.902</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	1.411.417	-	2.422.914.797	(2.015.357.396)	408.968.818	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	44.105.734	-	149.983.706	(164.333.010)	29.756.430	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.077.094.005	(2.077.094.005)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	15.944.000	(15.944.000)	-	-
Cộng	<u>45.517.151</u>	<u>-</u>	<u>4.665.936.508</u>	<u>(4.272.728.411)</u>	<u>438.725.248</u>	<u>-</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.279.832.625)	(12.101.928.096)
- Các khoản điều chỉnh tăng	32.141.880	208.429.045
+ Chi phí không được trừ	32.141.880	208.429.045
- Các khoản điều chỉnh giảm	(10.619.401)	(10.560.000)
+ Cổ tức được chia	(10.619.401)	(10.560.000)
Thu nhập chịu thuế	(2.290.452.026)	(11.904.059.051)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Truy thu thuế TNDN các năm trước	-	1.311.487.203
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	1.311.487.203

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Đây toàn bộ là doanh thu cho thuê kho cho Công ty CP Giao Hàng Tiết Kiệm.

13. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**13a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho cá nhân, tổ chức khác</i>	5.373.354.335	6.316.879.486
- Kinh phí công đoàn	1.228.222.758	1.323.180.951
- Công ty Taiwan Penguin Corp - cho mượn tiền	1.917.673.392	1.963.264.199
- Cổ tức phải trả	191.135.467	191.135.467
- Các đối tượng khác	2.036.322.718	2.839.298.869
Cộng	5.373.354.335	6.316.879.486

13b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược có thời gian trên 12 tháng.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả dài hạn khác cho bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả dài hạn khác cho cá nhân, tổ chức khác</i>	6.678.913.200	4.136.246.200
- Công ty TNHH Kanaan Sài Gòn	2.979.000.000	2.979.000.000
- Công ty CP Giao Hàng Tiết Kiệm	2.489.400.000	-
- Tổng Công ty Cơ Khí GTVT Sài Gòn TNHH MTV	751.245.000	747.978.000
- Công ty CP Trí Nhân Tâm	200.000.000	200.000.000
- Các đối tượng khác	259.268.200	209.268.200
Cộng	6.678.913.200	4.136.246.200

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	38.073.534.142	38.073.534.142	44.079.727.650	44.079.727.650
Vay ngắn hạn ngân hàng	38.073.534.142	38.073.534.142	44.079.727.650	44.079.727.650
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương ⁽¹⁾	-	-	13.062.367.650 (#USD 574.422,500)	13.062.367.650 (#USD 574.422,500)
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN ⁽²⁾	-	-	31.017.360.000 (#USD 1.364.000)	31.017.360.000 (#USD 1.364.000)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương ⁽¹⁾	19.642.414.880	19.642.414.880	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN ⁽²⁾	18.431.119.262	18.431.119.262	-	-
Cộng	38.073.534.142	38.073.534.142	44.079.727.650	44.079.727.650

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	44.079.727.650	81.023.982.099	(86.980.613.325)	(49.562.282)	38.073.534.142
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-
Cộng	44.079.727.650	81.023.982.099	(86.980.613.325)	(49.562.282)	38.073.534.142

⁽¹⁾ Vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương theo hợp đồng tín dụng số 55/2018/HĐTDHMDP-PN ngày 13 tháng 07 năm 2018 với hạn mức tín dụng tối đa là 26.500.000.000 đồng (bao gồm toàn bộ số dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 36/2017/HĐTDHM-PN ngày 28/04/2017 chuyển sang). Thời hạn rút vốn: 12 tháng kể từ ngày 28/04/2017. Lãi suất cho vay là 10%/năm (VND). Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của công ty (thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, trả lương nhân công...). Tài sản đảm bảo gồm:

- + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 163/21/3 (số cũ là 133/276V-277V) Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Tp.HCM. Chủ sở hữu là Ông Ngô Trung Kiên (Tổng Giám Đốc) và Bà Nguyễn Thị Mâu; theo Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTCBL-2016 ngày 14/01/2016, 40/HĐTC-2017 ngày 10/05/2017 và 40A/HĐTC-2017 với giá trị tài sản thế chấp theo định giá của ngân hàng là 12.900.000.000 đồng;
- + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 201/88V-201/90 Nguyễn Đình Khôi, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.HCM. Chủ sở hữu là Ông Ngô Trung Chinh - Phó Tổng Giám Đốc; theo Hợp đồng thế chấp số 02/HĐTCBL-2016 ngày 14/01/2016, 41/HĐTCBL-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2017 ngày 10/05/2017 và 41A/HĐTC-2017 với giá trị tài sản thế chấp theo định giá của ngân hàng là 10.700.000.000 đồng;

+ Công trình: Cửa hàng kinh doanh và văn phòng Công ty tại số 52-70 đường Ba Gia, phường 7, Q. Tân Bình, TP.HCM; theo Hợp đồng thế chấp số 71/HĐTC-2012, 77/HĐTC-2013, 07/HĐTC-2014 và 07A/HĐTC-2014 với giá trị tài sản thế chấp theo định giá của ngân hàng là 9.530.000.000 đồng; với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2018 là 9.106.306.667 đồng (xem chi tiết thuyết minh mục V.6).

(2) Vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/8185623/HĐTD ngày 15 tháng 08 năm 2018 với tổng hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/8185623/HĐBĐ ngày 02 tháng 06 năm 2017: Thế chấp cho ngân hàng tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của bên thế chấp đối với tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 234/GCN-NĐ.5 do UBND Quận 5 cấp ngày 28/04/2003 thuộc sở hữu của Bà Ngô Thị Hoàng Oanh – Thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng giá trị theo định giá của ngân hàng là 10.100.000.000 đồng.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Số trích trong năm	Số đã chi trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(754.936.935)	-	-	(754.936.935)
Cộng	(754.936.935)	-	-	(754.936.935)

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết xem Phụ lục 01.

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ
- Vốn cổ đông Nhà nước (Công ty CP Dệt May Gia Định – đại diện)	3.000.000.000	10,00%	3.000.000.000	10,00%
- Vốn cổ đông khác	27.000.000.000	90,00%	27.000.000.000	90,00%
Cộng	30.000.000.000	100,00%	30.000.000.000	100,00%

16c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	300.000	300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000	300.000
- Cổ phiếu thường	300.000	300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.422	3.422
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	3.422	3.422
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	296.578	296.578
- Cổ phiếu thường	296.578	296.578
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu lưu hành (đồng/cổ phiếu)	100.000	100.000

16e. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-

16f. Lợi nhuận chưa phân phối

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(26.717.818.105)	(13.304.402.806)
- Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	(2.279.832.625)	(13.413.415.299)
- Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
+ Trích cổ tức phải trả	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(2.279.832.625)	(26.717.818.105)

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán*Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	128.196,08	21.212,00

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu may mặc	62.819.888.980	106.011.675.209
- Doanh thu khác	19.610.662.795	19.147.107.252
Cộng	82.430.551.775	125.158.782.461

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn may mặc	55.903.402.321	97.575.395.537
- Trích dự phòng giảm giá thành phẩm	-	196.310.732
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá thành phẩm	(1.099.962.377)	-
- Giá vốn khác	525.708.444	939.827.518
Cộng	55.329.148.388	98.711.533.787

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi chênh lệch tỷ giá	115.729.293	407.036.545
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.560.000	10.560.000
- Lãi tiền gửi ngân hàng	12.200.914	8.726.161
Cộng	138.490.207	426.322.706

4. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	567.398.902	328.076.901
- Chi phí lãi vay	2.081.407.746	1.598.231.866
- Chi phí khác	17.149	16.908
Cộng	2.648.823.797	1.926.325.675

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	2.477.529.360	2.526.737.087
- Chi phí công cụ dụng cụ	1.851.018.466	2.027.012.669
- Chi phí khấu hao	16.407.696	51.469.658
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.454.396.600	3.176.367.034
- Chi phí bằng tiền khác	1.264.937.732	2.837.047.863
Cộng	7.064.289.854	10.618.634.311

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	9.656.969.961	12.311.389.389
- Chi phí đồ dùng văn phòng	257.062.162	478.312.166
- Chi phí khấu hao TSCĐ	385.983.705	405.948.002
- Thuế, phí và lệ phí	322.781.749	324.113.648
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.476.218.361	5.912.635.302
- Chi phí bằng tiền khác	4.988.950.887	7.210.977.064
Cộng	<u>20.087.966.825</u>	<u>26.643.375.571</u>

7. Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, công cụ	227.727.273	197.581.818
- Thu phí đào tạo chuyên Lean	86.000.000	224.215.899
Cộng	<u>313.727.273</u>	<u>421.797.717</u>

8. Chi phí khác

Chi tiết gồm:	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí chậm nộp thuế, bảo hiểm	32.141.880	208.429.045
Cộng	<u>32.141.880</u>	<u>208.429.045</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.279.832.625)	(13.413.415.299)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
+ <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.279.832.625)	(13.413.415.299)
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu, mệnh giá 100.000đ/CP)	296.578	296.578
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/Cổ phiếu)	(7.687)	(45.227)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.279.832.625)	(13.413.415.299)
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.279.832.625)	(13.413.415.299)
- Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (mệnh giá 100.000đ/CP)	296.578	296.578
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đ/Cổ phiếu)	(7.687)	(45.227)

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	296.578	296.578
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
+ Trái phiếu chuyển đổi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện	-	-
+ Hợp đồng được thanh toán bằng cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	296.578	296.578

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân công	50.317.614.572	84.751.254.484
- Chi phí nguyên vật liệu	5.432.853.628	6.899.923.462
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.927.025.080	3.291.986.074
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.181.980.047	27.407.536.625
- Chi phí bằng tiền khác	8.611.599.357	23.934.538.761
Cộng	80.471.072.684	146.285.239.406

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt^(*):

	Năm nay	Năm trước
- Lương, thưởng	1.957.031.058	2.260.301.923
- Thù lao	119.969.700	474.165.900
Cộng	2.077.000.758	2.734.467.823

^(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Cam kết bảo lãnh

Ông Ngô Trung Kiên (Tổng Giám Đốc) dùng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 163/21/3 (số cũ là 133/276V-277V) Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Tp.HCM, trị giá 11.240.000.000 đồng thuộc sở hữu của mình;

Và Ông Ngô Trung Chính - Phó Tổng Giám Đốc dùng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 201/88V-201/90 Nguyễn Đình Khôi, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.HCM, trị giá 10.600.000.000 đồng thuộc sở hữu của mình;

Cùng bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương với số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 13.062.367.650 VND (xem thuyết minh số V.13).

Bà Ngô Thị Hoàng Oanh – Thành viên Hội đồng Quản trị dùng Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 234/GCN-NĐ.5 do UBND Quận 5 cấp ngày 28/04/2003 tọa lạc tại 42 Phó Cơ Điều, Phường 12, Quận 5, Tp. HCM, trị giá 10.100.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN với số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 31.017.360.000 đồng (xem thuyết minh số V.13).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan với Công ty chỉ có Công ty CP Dệt May Gia Định là cổ đông Nhà Nước, chiếm 10% vốn điều lệ.

Không phát sinh giao dịch với các bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.2

	Năm nay	Năm trước
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	24.057.800	24.057.800

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận*Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong năm, Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Bán thành phẩm, hàng hóa
- Cung cấp dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

- Năm nay

Chỉ tiêu	Hoạt động may và gia công hàng may mặc	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.819.657.844	19.610.662.795	82.430.551.775
Giá vốn hàng bán	54.803.439.944	525.708.444	55.329.148.388
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.016.217.900	19.084.954.351	27.101.172.251

- Năm trước

Chỉ tiêu	Hoạt động may và gia công hàng may mặc	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.011.142.618	19.147.107.252	125.158.249.870
Giá vốn hàng bán	97.771.706.269	939.827.518	98.711.533.787
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.239.436.349	18.207.279.734	26.446.716.083

Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty sản xuất và kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam và gia công các sản phẩm hàng may mặc cho nước ngoài.

	Doanh thu tiêu thụ trong nước	Doanh thu xuất khẩu	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng	51.178.423.176	31.252.128.599	82.430.551.775
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng	35.685.183.180	89.473.066.690	125.158.249.870

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: Số 37, đường Trần Triệu Luật, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Người lập

NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH

Kế toán trưởng

VÕ HIẾU NGHĨA

Tổng Giám đốc



NGÔ TRUNG KIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 2

Địa chỉ: 37 Trần Triệu Luật, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3		4	6	7
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	30.000.000.000	3.624.444.518	(394.234.518)	57.532.673	6.891.585.433	(13.304.402.806)	26.874.925.300
2. Tăng trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(13.413.415.299)	(13.413.415.299)
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	-	-	(13.413.415.299)	(13.413.415.299)
3. Giảm trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	30.000.000.000	3.624.444.518	(394.234.518)	57.532.673	6.891.585.433	(26.717.818.105)	13.461.510.001
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2018	30.000.000.000	3.624.444.518	(394.234.518)	57.532.673	6.891.585.433	(26.717.818.105)	13.461.510.001
6. Tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
7. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	-	(2.279.832.625)	(2.279.832.625)
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	(2.279.832.625)	(2.279.832.625)
8. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	30.000.000.000	3.624.444.518	(394.234.518)	57.532.673	6.891.585.433	(28.997.650.730)	11.181.677.376

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH

Kế toán trưởng



VÕ HỮU NGHĨA

Trên đây là báo cáo tài chính ngày 29 tháng 3 năm 2019





2151 / 19 / BCKT / AUD - V VALUES